

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1454 /UBND-TH

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 6 năm 2015

V/v rà soát và đề xuất Hệ thống chỉ tiêu
kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020
ĐẾN Số: 3.1.1.1.....
Ngày: 4.1.6.2015

- Kính gửi:
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Lao động, Thương binh và xã hội, Văn hóa, thể thao và Du lịch, Khoa học và công nghệ, Tư pháp, Nội vụ, Ngoại vụ, Thông tin và Truyền thông,
 - Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
 - Cục Thống kê tỉnh, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc, Cục Thuế tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh;
 - Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

Thực hiện văn bản số 3340/BKHĐT-TH ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng Đề án Hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và hằng năm (Có bản phôtô gửi kèm), Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê và các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội hiện hành và đề xuất Hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 theo hướng dẫn và Đề cương tại văn bản số 3340/BKHĐT-TH ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoàn thành báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 08 tháng 6 năm 2015./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (H.th 60).

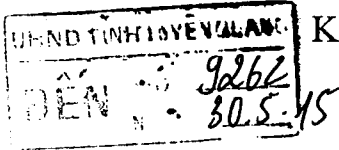
**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Tạ Văn Dũng

Số: 3340 /BKHĐT-TH
V/v xây dựng Đề án Hệ thống chỉ
tiêu kinh tế - xã hội 5 năm 2016-
2020 và hằng năm

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2015



Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết số 77/2014/QH13 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 10215/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 12 năm 2014 của Văn phòng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2015 và các năm sau, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (dưới đây gọi tắt là các bộ, ngành trung ương và địa phương), rà soát, đánh giá hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội hiện hành và đề xuất Hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, thuộc ngành, lĩnh vực và đơn vị được phân công phụ trách theo Đề cương sơ bộ đính kèm. Trong triển khai thực hiện, yêu cầu tập trung làm rõ các nội dung chủ yếu dưới đây:

1. Rà soát, đánh giá đồng bộ, toàn diện hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và hằng năm đang áp dụng hiện nay thuộc ngành, lĩnh vực và đơn vị được phân công phụ trách, bao gồm đánh giá hệ thống chỉ tiêu theo các Phụ lục số 1, 2 và 3 kèm theo.
2. Đề xuất xây dựng hệ thống chỉ tiêu áp dụng cho xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm cấp quốc gia theo ngành, lĩnh vực và cấp địa phương, trong đó lưu ý:
 - a) Làm rõ chỉ tiêu cần thiết báo cáo Quốc hội trong kế hoạch phát triển

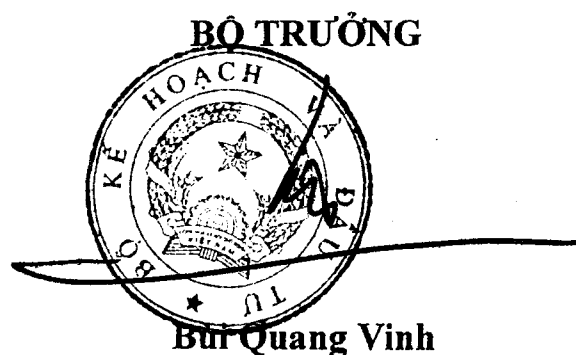
kinh tế xã hội 5 năm và hằng năm; chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ quyết định giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch theo biểu mẫu tại Phụ lục số 4 (áp dụng cho các bộ, ngành trung ương và địa phương) kèm theo.

b) Mô tả chi tiết khả năng thu thập và tính toán các chỉ tiêu đề xuất áp dụng cho giai đoạn tới theo biểu mẫu tại Phụ lục số 5.

Để phục vụ kịp thời cho việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và hoàn thiện Báo cáo chính trị, báo cáo kinh tế tại Đại hội Đảng các cấp, báo cáo Quốc hội, đề nghị các bộ, ngành trung ương và địa phương, chuẩn bị các nội dung nêu trên và gửi Báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư bằng văn bản (02 bản) và qua thư điện tử theo địa chỉ thktqd@mpi.gov.vn trước ngày 10 tháng 6 năm 2015 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c TTg);
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội (để phối hợp);
- Lãnh đạo Bộ;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị trong Bộ (để chuẩn bị báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ TH (5b).





ĐỀ CƯƠNG SƠ BỘ

**ĐỀ ÁN XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020 VÀ HÀNG NĂM**
(Kèm theo văn bản số: 3340/BKHĐT-TH ngày 29 tháng 5 năm 2015)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án

- Nghị quyết số 77/2014/QH13 của Quốc hội khóa XIII về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015;

- Văn bản số 10215/ VPCP-KTTH ngày 21 tháng 12 năm 2014 của Văn phòng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2015 và các năm sau.

2. Sự cần thiết phải xây dựng đề án

Hệ thống chỉ tiêu Kế hoạch là một bộ phận quan trọng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng trong từng giai đoạn phát triển, đồng thời là cơ sở để đề ra các giải pháp, chính sách thực hiện kế hoạch. Các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm được Chính phủ trình Quốc hội là các chỉ tiêu quan trọng, cốt lõi, phản ánh sự phát triển chung của nền kinh tế. Tuy nhiên, hệ thống chỉ tiêu hiện nay chưa được nghiên cứu một cách thấu đáo, còn nhiều tồn tại, hạn chế chưa thật phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, việc nghiên cứu Đề án hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và hàng năm là việc rất cần thiết và cấp bách; vừa để phục vụ cho việc đổi mới công tác kế hoạch, xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm; đồng thời tạo điều kiện để hoàn thiện nâng cao hiệu quả công tác giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức khác.

II. MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Mục tiêu của Đề án là xây dựng được hệ thống chỉ tiêu mới thống nhất, có tính khoa học và thực tiễn, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế; khắc phục sự thiếu đồng bộ và những tồn tại của hệ thống chỉ tiêu hiện hành. Hệ thống chỉ tiêu mới sẽ góp phần nâng cao chất lượng các đề án, báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phục vụ kịp thời cho việc xây dựng báo cáo

chính trị tại Đại hội Đảng các cấp, các ngành, trình Quốc hội thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 trong thời gian tới.

2. Phạm vi nghiên cứu: Đề án tập trung vào việc rà soát, đánh giá lại toàn bộ hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm được áp dụng hiện nay; nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành hệ thống chỉ tiêu và dự kiến hệ thống chỉ tiêu mới cho 5 năm 2016 - 2020.

3. Phương pháp nghiên cứu: Đề án dự kiến sẽ áp dụng các phương pháp nghiên cứu lý thuyết, điều tra khảo sát, phân tích, tổng hợp, phương pháp chuyên gia,...

III. KẾT CẤU CỦA ĐỀ ÁN

Chương I. Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế

(1) Nghiên cứu về công tác kế hoạch trong nền kinh tế thị trường, bao gồm: sự cần thiết và vai trò của kế hoạch trong việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển dài hạn, trung hạn và hằng năm.

(2) Tổng hợp, nghiên cứu các kinh nghiệm của các nước trong việc sử dụng công cụ kế hoạch để phát triển đất nước, bao gồm các nước phát triển, các nước đang phát triển, các nước Nics và các nước trong khu vực.

(3) Những kinh nghiệm rút ra và có thể vận dụng cho công tác đổi mới kế hoạch ở nước ta.

Chương II: Đánh giá về đổi mới hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua

(1) Thực trạng hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta

- Các chỉ tiêu Chính phủ báo cáo Quốc hội trong kế hoạch 5 năm và hằng năm.

- Các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm được Quốc hội thông qua trong giai đoạn 2011-2015.

- Các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm do Thủ tướng Chính phủ giao.

- Các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm do Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành khác giao.

- Nguồn cung cấp số liệu các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

(2) Đánh giá chung về hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh nền kinh tế đang trong quá trình đổi mới theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa

- Tính phù hợp, tính khả thi của hệ thống chỉ tiêu.

- Những ưu điểm.

- Những tồn tại, hạn chế chủ yếu và nguyên nhân.

(3) Rà soát hệ thống chỉ tiêu

- Nhóm các chỉ tiêu kinh tế.

- Nhóm các chỉ tiêu xã hội.

- Nhóm các chỉ tiêu môi trường.

- Nhóm các chỉ tiêu khác.

Chương III: Đề xuất hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và hàng năm

(1) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và hàng năm.

(2) Dự kiến hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và hàng năm.

- Hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội do Bộ, ngành, địa phương điều hành và báo cáo Chính phủ.

- Hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ điều hành và báo cáo Quốc hội

- Hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội do Quốc hội thông qua và giám sát thực hiện.

(3) Các giải pháp, kiến nghị.



DANH MỤC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

(Kèm theo văn bản số 3340 /BKHĐT-TH ngày 29 tháng 5 năm 2015)

Phụ lục số 1: Rà soát, đánh giá các chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm đang áp dụng hiện nay

Phụ lục số 2: Rà soát, đánh giá các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch hằng năm đang áp dụng hiện nay

Phụ lục số 3: Rà soát, đánh giá các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch hằng năm đang áp dụng hiện nay

Phụ lục số 4: Đề xuất chỉ tiêu áp dụng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm (áp dụng cho bộ, ngành và địa phương)

Phụ lục số 5: Mô tả chi tiết các chỉ tiêu đề xuất áp dụng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm trong thời gian tới.

Phụ lục số 1

**RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU TRONG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM VÀ HÀNG NĂM ĐANG ÁP DỤNG HIỆN NAY**

(Kèm theo văn bản số 3340 /BKHT-TH ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011- 2015	Kế hoạch hàng năm			Hàng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hàng năm	5 năm	Hàng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
A	CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ																			
I	Các chỉ tiêu tổng hợp chủ yếu																			
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)																			
	Trong đó:																			
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản																			
	- Công nghiệp và xây dựng																			
	- Dịch vụ																			
2	GDP theo giá hiện hành																			
	- GDP theo giá hiện hành theo VND																			
	- GDP theo giá hiện hành quy USD																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nêu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hằng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hằng năm	5 năm	Hằng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- GDP bình quân đầu người																			
3	Cơ cấu kinh tế theo giá hiện hành																			
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản																			
	- Công nghiệp và xây dựng																			
	- Dịch vụ																			
4	Xuất nhập khẩu																			
	- Tổng kim ngạch xuất khẩu																			
	- Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu																			
	- Kim ngạch xuất khẩu/người																			
	- Tổng kim ngạch nhập khẩu																			
	- Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu																			
	- Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu																			
	- Nhập khẩu xăng dầu (không bao gồm tạm nhập tái xuất)																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nêu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hằng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hằng năm	5 năm	Hằng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Danh mục các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu																			
	- Danh mục các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu																			
5	Tỷ lệ huy động thuế và phí vào ngân sách																			
6	Nợ công																			
7	Dư nợ của Chính phủ																			
8	Dư nợ quốc gia																			
9	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP																			
10	Tỷ lệ đô thị hóa																			
11	Bội chi ngân sách nhà nước (tính cả trái phiếu Chính phủ)																			
12	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)																			
13	Giảm tiêu tổn năng lượng tính trên GDP																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hàng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hàng năm	5 năm	Hàng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
14	Tỷ trọng công nghệ cao trong tổng GTSX công nghiệp																			
15	Số lượng sáng chế đăng ký bảo hộ tăng bình quân/năm																			
16	Tỷ lệ đổi mới công nghệ																			
17	Năng suất lao động xã hội																			
	- Năng suất tổng hợp (TPF) đóng góp vào tăng trưởng GDP																			
	- Năng suất lao động xã hội (GDP/lao động) giá hiện hành																			
	+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản																			
	+ Công nghiệp và xây dựng																			
	+ Dịch vụ																			
	- Năng suất lao động xã hội (GDP/lao động) giá so sánh																			
	+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản																			
	+ Công nghiệp và xây dựng																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hằng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hằng năm	5 năm	Hằng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	+ Dịch vụ																			
	- Tăng năng suất lao động xã hội so với năm trước																			
18	Tích lũy - tiêu dùng																			
	- So với GDP hiện hành																			
	+ Tiêu dùng cuối cùng																			
	+ Tích lũy tài sản																			
	+ Tiết kiệm																			
	- Đóng góp vào tăng trưởng kinh tế ngành																			
	+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản																			
	+ Công nghiệp và xây dựng																			
	+ Dịch vụ																			
II	Các chỉ tiêu dự trữ quốc gia																			
1	Kế hoạch ngân sách chi tăng dự trữ quốc gia																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hằng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hằng năm	5 năm	Hằng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	Kế hoạch luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia																			
	+ Tên mặt hàng...																			
	+ Tên mặt hàng...																			
3	Kế hoạch mua tăng hàng dự trữ quốc gia																			
	+ Tên mặt hàng...																			
	+ Tên mặt hàng...																			
4	Kế hoạch dự trữ quốc gia về lương thực																			
	+ Tên mặt hàng...																			
	+ Tên mặt hàng...																			
5	Kế hoạch xuất giảm không thu tiền hàng dự trữ quốc gia																			
	+ Tên mặt hàng...																			
	+ Tên mặt hàng...																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cùng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hàng năm			Hàng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hàng năm	5 năm	Hàng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
6	Kế hoạch xuất giảm không thu tiền hàng dự trữ quốc gia																			
	+ Tên mặt hàng...																			
	+ Tên mặt hàng...																			
III	Các chỉ tiêu tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng chính sách xã hội																			
1	Tín dụng vốn ngoài nước (ODA cho vay lại)																			
2	Tín dụng vốn trong nước:																			
	- Tăng trưởng tín dụng cho vay đầu tư																			
	- Dự nợ bình quân tín dụng xuất khẩu so với năm trước																			
	- Dự phòng so với dự nợ tín dụng đầu tư																			
3	Phát hành trái phiếu																			
4	Tăng dự nợ tín dụng chính sách xã hội																			
IV	Các chỉ tiêu phát triển ngành																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hàng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hàng năm	5 năm	Hàng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản																			
	Giá trị sản xuất																			
	Tốc độ tăng giá trị sản xuất																			
	Giá trị tăng thêm																			
	Chỉ tiêu sản xuất Sản phẩm chủ yếu:																			
	- Lương thực có hạt																			
	- Cao su																			
	- Thịt hơi các loại																			
	- Trồng rừng tập trung																			
	- Sản lượng thủy sản																			
	- Diện tích nuôi trồng thủy sản																			
2	Công nghiệp																			
	Chỉ số sản xuất công nghiệp																			
	Chỉ tiêu sản xuất sản phẩm chủ yếu:																			
	+ Phân Urê																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nêu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hàng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hàng năm	5 năm	Hàng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	+ Phân DAP																			
	+ Phân NPK																			
	+ Điện sản xuất và mua																			
	<i>(Trong đó: điện sản xuất của EVN)</i>																			
	+ Than sạch																			
	+ Khai thác dầu																			
	+ Khai thác khí																			
	+ Xăng dầu các loại																			
	+ Xi măng và Clinker																			
	+ Thép cán và phôi thép tiêu thụ ngoài																			
	+ Giấy bìa các loại																			
	+ Bìa																			
	+ Sữa đặc có đường																			
3	Thương mại																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nêu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hàng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hàng năm	5 năm	Hàng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội																			
4	Vận tải																			
	- Tốc độ tăng khối lượng hàng hóa vận chuyển																			
	- Tốc độ tăng khối lượng hàng hóa luân chuyển																			
	- Tốc độ tăng khối lượng hành khách vận chuyển																			
	- Tốc độ tăng khối lượng hành khách luân chuyển																			
5	Du lịch																			
	- Số lượt khách quốc tế đến Việt Nam																			
	- Số lượt khách du lịch nội địa																			
6	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội																			
	- Vốn đầu tư thuộc NSNN																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hàng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hàng năm	5 năm	Hàng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Vốn trái phiếu Chính phủ																			
	- Vốn tín dụng đầu tư nhà nước																			
	- Vốn đầu tư của DNNN																			
	- Vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp tư nhân																			
	- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài																			
	- Vốn huy động khác																			
7	Cân đối ngân sách nhà nước																			
	Tổng thu cân đối:																			
	<i>Tốc độ tăng</i>																			
	- Thu nội địa																			
	- Thu từ dầu thô																			
	- Thu từ xuất nhập khẩu																			
	- Thu viện trợ không hoàn lại và quỹ dự trữ tài chính																			
	Tổng chi NSNN:																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nêu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hàng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hàng năm	5 năm	Hàng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	<i>Trong đó: - Chi đầu tư phát triển</i>																			
	- Tỷ trọng chi đầu tư phát triển so với tổng chi																			
8	Đầu tư trực tiếp nước ngoài																			
	- Vốn đầu tư dự kiến thực hiện																			
	<i>Trong đó: Vốn nước ngoài</i>																			
	- Vốn cấp mới và tăng thêm																			
	- Xuất khẩu (trừ đầu thô)																			
	- Nhập khẩu																			
	- Nộp ngân sách																			
	- Số người lao động cuối kỳ báo cáo																			
9	Đăng ký thành lập doanh nghiệp																			
	- Tổng Số doanh nghiệp đã đăng ký thành lập																			
	- Số doanh nghiệp đăng ký mới																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nêu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hàng năm			Hàng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hàng năm	5 năm	Hàng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Tổng số vốn của DN dân doanh thành lập mới																			
	- Số doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế (không tính doanh nghiệp đã giải thể)																			
	-Số doanh nghiệp giải thể hàng năm																			
B	CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI																			
1	Dân số và việc làm																			
	- Dân số trung bình (năm cuối kỳ)																			
	<i>Trong đó:</i>																			
	+ Dân số nông thôn																			
	+ Dân số thành thị																			
	- Tuổi thọ trung bình																			
	- Mức giảm tỷ lệ sinh																			
	- Tốc độ tăng dân số																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hằng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hằng năm	5 năm	Hằng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)																			
	- Tổng số người trong độ tuổi lao động																			
	- Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên																			
	- Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân																			
	- Tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế																			
	- Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị																			
	- Cơ cấu lao động																			
	+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản																			
	+ Công nghiệp và xây dựng																			
	+ Dịch vụ																			
	- Số lao động được tạo việc làm																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nêu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hằng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hằng năm	5 năm	Hằng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Số người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng																			
	- Thu nhập thực tế của dân cư đến năm 2015 so với năm 2010																			
2	Giảm nghèo																			
	- Tổng số hộ trong cả nước																			
	- Số hộ nghèo																			
	- Tỷ lệ hộ nghèo																			
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn 2011-2015)																			
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo riêng với các huyện																			
3	Y tế, xã hội																			
	- Tổng số cơ sở y tế																			
	Trong đó:																			
	+ Bệnh viện công																			
	+ Bệnh viện tư																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hằng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hằng năm	5 năm	Hằng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Số giường bệnh (không bao gồm giường trạm y tế xã)																			
	<i>Trong đó:</i>																			
	+ Giường bệnh viện công																			
	+ Giường bệnh viện tư																			
	- Số giường bệnh/l vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã)																			
	+ Số giường bệnh quốc lập/l vạn dân																			
	+ Số giường bệnh tư/l vạn dân																			
	- Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế (theo chuẩn mới 2011-2020)																			
	- Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ																			
	- Tỷ lệ xã có bác sỹ																			
	- Số bác sỹ/l vạn dân																			
	- Tỷ suất chết mẹ liên quan đến thai sản trên 100.000 trẻ đẻ sống																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hàng năm			Hàng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hàng năm	5 năm	Hàng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi																			
	- Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi																			
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)																			
	- Tỷ lệ trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia (theo tiêu chí mới)																			
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 7 loại vaccine																			
	- Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng																			
	- Tỷ lệ các trường hợp mắc HIV/AIDS được điều trị																			
	- Số bệnh nhân AIDS hiện còn sống																			
	- Số người nhiễm HIV mới phát hiện trong năm																			
	- Số người tử vong do AIDS																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hằng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hằng năm	5 năm	Hằng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Số bệnh nhân lao được phát hiện (AFB dương tính - gồm số mới mắc và số tái phát)																			
	- Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được giúp đỡ																			
	- Tỷ lệ xã/phường đạt chuẩn phù hợp với trẻ em																			
	- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT																			
4	Giáo dục đào tạo																			
	- Số học sinh mẫu giáo																			
	- Số học sinh tiểu học																			
	- Số học sinh trung học cơ sở																			
	- Số học sinh trung học phổ thông																			
	Tuyển mới đào tạo:																			
	- Tuyển mới đại học và cao đẳng chính quy																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hàng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hàng năm	5 năm	Hàng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Tốc độ tăng tuyển mới đại học và cao đẳng chính quy																			
	- Dự bị đại học và cao đẳng																			
	- Dân tộc nội trú																			
	- Phổ thông năng khiếu Trung ương																			
	- Số sinh viên trên 1 vạn dân																			
	- Tuyển mới trung cấp chuyên nghiệp																			
	- Tốc độ tăng tuyển mới trung cấp chuyên nghiệp																			
	- Tuyển mới dạy nghề																			
	<i>Trong đó: Tuyển mới cao đẳng, trung cấp nghề</i>																			
	- Tốc độ tăng tuyển mới cao đẳng, trung cấp nghề																			
	- Tuyển mới đào tạo sau đại học																			
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nêu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hằng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hằng năm	5 năm	Hằng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Tỷ lệ số trẻ em 5 tuổi được học 2 buổi/ngày																			
	- Trẻ em đi học tiểu học đúng độ tuổi																			
5	Văn hóa, Thể dục thể thao																			
	- Số phim truyện sản xuất theo đơn đặt hàng																			
	- Số di tích được tu bổ																			
	- Tỷ lệ gia đình văn hóa																			
	- Tỷ lệ làng, bản, cụm dân cư văn hóa																			
	- Tỷ lệ trường thực hiện giáo dục thể chất																			
	- Số vận động viên cấp cao																			
	<i>Trong đó: Số vận động viên trẻ</i>																			
	- Số vận động viên đào tạo trong chương trình đào tạo Vận động viên tài năng Quốc gia																			
	<i>Trong đó:</i>																			
	+ Số kiện tướng																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hằng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hằng năm	5 năm	Hằng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	+ Số vận động viên cấp I																			
6	Thông tin - truyền thông																			
	- Tổng số sách xuất bản																			
	<i>Trong đó: Sách giáo khoa phổ thông</i>																			
	- Tổng số báo chí xuất bản																			
	- Số điểm bưu điện xã																			
	- Tỷ lệ xã có điểm bưu điện văn hóa xã																			
	- Tổng số thuê bao điện thoại																			
	<i>Trong đó: số thuê bao cố định</i>																			
	- Tỷ lệ gia đình có điện thoại cố định																			
	- Số thuê bao điện thoại/100 dân																			
	- Tỷ lệ thuê bao di động/100 dân																			
	- Số thuê bao internet băng thông rộng/100 dân																			
	- Tỷ lệ hộ gia đình có truy cập internet																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hằng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hằng năm	5 năm	Hằng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Tỷ lệ người sử dụng internet																			
	- Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân																			
7	Phát thanh - truyền hình																			
	- Tổng doanh thu (tính riêng cho Đài Truyền hình Việt Nam)																			
	- Số giờ chương trình đài Tiếng nói Việt Nam																			
	- Số giờ phát sóng Đài Tiếng nói Việt Nam																			
	- Số giờ phát thanh bằng tiếng dân tộc																			
	- Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam																			
	- Số giờ phát sóng chương trình truyền hình Đài truyền hình Việt Nam																			
	- Số giờ chương trình Truyền hình Việt Nam																			
	- Số giờ truyền hình bằng tiếng dân tộc																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Cơ khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nêu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hằng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hằng năm	5 năm	Hằng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Tỷ lệ hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam																			
8	Kết cấu hạ tầng																			
	- Diện tích nhà ở bình quân sàn/người																			
	<i>Trong đó:</i>																			
	+ Diện tích nhà ở bình quân tại đô thị																			
	+ Diện tích nhà ở bình quân tại nông thôn																			
	- Số xã có lưới điện quốc gia																			
	- Số hộ nông thôn có điện																			
C	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG																			
1	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh																			
2	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch																			
3	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đang áp dụng trong kế hoạch PTKTXH		Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	Quốc tế cũng sử dụng chỉ tiêu này	Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Phù hợp với yêu cầu xây dựng kế hoạch PTKTXH		Đề nghị tiếp tục sử dụng cho kế hoạch PTKTXH 5 năm 2016 - 2020		Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm 2011-2015	Kế hoạch hằng năm			Hàng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế	5 năm	Hàng năm	5 năm	Hàng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
4	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom																			
5	Tỷ lệ đô thị loại 3 có hệ thống xử lý nước thải																			
6	Tỷ lệ xử lý chất rắn y tế đạt tiêu chuẩn môi trường																			
7	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (theo quyết định số 64/2003/QĐ-TTg) được xử lý																			
8	Tỷ lệ che phủ rừng																			
D	CÁC NHIỆM VỤ ĐIỀU TRA CƠ BẢN																			
E	CÁC NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA																			

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Phụ lục số 2

**RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
GIAO HÀNG NĂM ĐANG ÁP DỤNG HIỆN NAY**

(Kèm theo văn bản số 3340 /BKHĐT-TH ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch PTKTXH		Cần thiết để bảo đảm thực hiện đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển kinh tế - xã hội hằng năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực	Đề nghị TTg tiếp tục giao kế hoạch PTKTXH hằng năm	Cơ quan được TTg giao kế hoạch (nêu cụ thể tên cơ quan TTg cần giao KH đối với từng chỉ tiêu cụ thể)
			5 năm	Hằng năm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP CHỦ YẾU								
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)								
2	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)								
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP								
4	Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu								
5	Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu								
6	Tỷ lệ dân số sống ở nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh								
7	Mức giảm tỷ lệ sinh								
8	Số giường bệnh/10.000 dân (không bao gồm giường trạm y tế xã)								
9	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng								

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch PTKTXH		Cần thiết để bảo đảm thực hiện đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển kinh tế - xã hội hàng năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực	Đề nghị TTg tiếp tục giao kế hoạch PTKTXH hàng năm	Cơ quan được TTg giao kế hoạch (nếu cụ thể tên cơ quan TTg cần giao KH đối với từng chỉ tiêu cụ thể)
			5 năm	Hàng năm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Số lao động được tạo việc làm								
	<i>Trong đó: Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài</i>								
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo								
12	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị								
13	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo								
	<i>Riêng các huyện nghèo</i>								
14	Tỷ lệ che phủ rừng								
15	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường								
16	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (theo quyết định số 64/2003/QĐ-TTg) được xử lý								
II	CÁC CHỈ TIÊU DỰ TRỮ QUỐC GIA								
1	Kế hoạch ngân sách chi tăng dự trữ quốc gia								
2	Kế hoạch luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia								
	+ Tên mặt hàng...								

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch PTKTXH		Cần thiết để bảo đảm thực hiện đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển kinh tế - xã hội hằng năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực	Đề nghị TTg tiếp tục giao kế hoạch PTKTXH hằng năm	Cơ quan được TTg giao kế hoạch (nếu cụ thể tên cơ quan TTg cần giao KH đối với từng chỉ tiêu cụ thể)
			5 năm	Hằng năm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	+ Tên mặt hàng...								
3	Kế hoạch mua tăng hàng dự trữ quốc gia								
	+ Tên mặt hàng...								
	+ Tên mặt hàng...								
4	Kế hoạch dự trữ quốc gia về lương thực								
	+ Tên mặt hàng...								
	+ Tên mặt hàng...								
5	Kế hoạch xuất giảm không thu tiền hàng dự trữ quốc gia								
	+ Tên mặt hàng...								
	+ Tên mặt hàng...								
6	Kế hoạch xuất giảm không thu tiền hàng dự trữ quốc gia								
	+ Tên mặt hàng...								
	+ Tên mặt hàng...								
III	CÁC CHỈ TIÊU TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VÀ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI								

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch PTKTXH		Cần thiết để bảo đảm thực hiện đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển kinh tế - xã hội hằng năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực	Đề nghị TTg tiếp tục giao kế hoạch PTKTXH hằng năm	Cơ quan được TTg giao kế hoạch (nêu cụ thể tên cơ quan TTg cần giao KH đối với từng chỉ tiêu cụ thể)
			5 năm	Hằng năm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Tín dụng vốn ngoài nước (ODA cho vay lại)								
2	Tín dụng vốn trong nước:								
	- Tăng trưởng tín dụng cho vay đầu tư								
	- Dự nợ bình quân tín dụng xuất khẩu so với năm trước								
	- Dự phòng so với dư nợ tín dụng đầu tư								
3	Phát hành trái phiếu								
4	Tăng dư nợ tín dụng chính sách xã hội								

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Phụ lục số 3

**RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
ĐƯỢC BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ GIAO KẾ HOẠCH HÀNG NĂM ĐANG ÁP DỤNG HIỆN NAY**

(Kèm theo văn bản số 3340 /BKHT-TH ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch PTKTXH		Cần thiết để bảo đảm thực hiện đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển kinh tế - xã hội hàng năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực	Đề nghị Bộ KHĐT tiếp tục giao kế hoạch PTKTXH hằng năm	Cơ quan được Bộ KHĐT giao kế hoạch (nếu cụ thể tên cơ quan cần giao KH đối với từng chỉ tiêu cụ thể)
			5 năm	Hàng năm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI								
1	Tuyển mới đào tạo								
	Đại học								
	- Hệ chính quy								
	- Hệ vừa học, vừa làm								
	Cao đẳng (hệ chính quy)								
	Trung cấp chuyên nghiệp (hệ chính quy)								
	Cử tuyển								
	- Đại học								
	- Trung cấp chuyên nghiệp								
	Dự bị đại học								

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch PTKTXH		Cần thiết để bảo đảm thực hiện đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển kinh tế - xã hội hằng năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực	Đề nghị Bộ KHĐT tiếp tục giao kế hoạch PTKTXH hằng năm	Cơ quan được Bộ KHĐT giao kế hoạch (nếu cụ thể tên cơ quan cần giao KH đối với từng chi tiêu cụ thể)
			5 năm	Hằng năm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Dự bị cao đẳng								
	Tỷ lệ tuyển mới đại học, cao đẳng chính quy tăng so với năm trước								
	Tỷ lệ tuyển mới trung cấp chuyên nghiệp tăng so với năm trước								
	Dân tộc nội trú Trung ương								
	Phổ thông năng khiếu Trung ương								
2	Sự nghiệp văn hóa								
	Tỷ lệ gia đình văn hóa								
	Tỷ lệ làng, bản, cụm dân cư văn hóa								
	Số di tích được tu bổ								
3	Phát triển du lịch								
	Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam								
	Khách du lịch nội địa								
4	Sự nghiệp thể thao								
	Tỷ lệ trường thực hiện giáo dục thể chất								

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch PTKTXH		Cần thiết để bảo đảm thực hiện đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển kinh tế - xã hội hằng năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực	Đề nghị Bộ KHĐT tiếp tục giao kế hoạch PTKTXH hằng năm	Cơ quan được Bộ KHĐT giao kế hoạch (nếu cụ thể tên cơ quan cần giao KH đối với từng chỉ tiêu cụ thể)
			5 năm	Hằng năm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Số vận động viên cấp cao								
	<i>Trong đó: Vận động viên trẻ</i>								
5	Sự nghiệp thông tin								
	Tổng số sách xuất bản								
	<i>Trong đó: Sách giáo khoa phổ thông</i>								
	Tổng số báo, tạp chí xuất bản								
6	Sự nghiệp truyền thông								
	Tỷ lệ người sử dụng internet								
	Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động								
7	Truyền hình								
	Số giờ phát sóng chương trình truyền hình Đài Truyền hình Việt Nam								
	Số giờ truyền hình băng tiếng dân tộc thiểu số								
8	Phát thanh								
	Số giờ chương trình phát thanh Đài Tiếng nói Việt Nam								

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch PTKTXH		Cần thiết để bảo đảm thực hiện đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển kinh tế - xã hội hằng năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực	Đề nghị Bộ KHĐT tiếp tục giao kế hoạch PTKTXH hằng năm	Cơ quan được Bộ KHĐT giao kế hoạch (nếu cụ thể tên cơ quan cần giao KH đối với từng chỉ tiêu cụ thể)
			5 năm	Hằng năm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Số giờ phát sóng phát thanh Đài Tiếng nói Việt Nam								
	Số giờ phát thanh bằng tiếng dân tộc thiểu số								
9	Sự nghiệp y tế								
	Chỉ tiêu giường bệnh								
10	Nhập khẩu xăng dầu (không bao gồm tạm nhập, tái xuất)								
II	CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT								
	Thép cán và phôi thép tiêu thụ ngoài								
	Phân đạm Ure								
	Phân DAP								
	Phân NPK								
	Điện sản xuất và mua								
	<i>Trong đó: điện sản xuất của Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>								
	Than sạch								
	Xi măng và clinker								

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Số TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch PTKTXH		Cần thiết để bảo đảm thực hiện đúng định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển kinh tế - xã hội hàng năm	Cần thiết để bảo đảm định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực	Đề nghị Bộ KHĐT tiếp tục giao kế hoạch PTKTXH hàng năm	Cơ quan được Bộ KHĐT giao kế hoạch (nêu cụ thể tên cơ quan cần giao KH đối với từng chỉ tiêu cụ thể)
			5 năm	Hàng năm					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Khai thác dầu								
	- Trong nước								
	- Ngoài nước								
	Khai thác khí								
	Phân đạm Ure								
	Xăng dầu các loại								
III	CÁC NHIỆM VỤ ĐIỀU TRA CƠ BẢN								
IV	CÁC NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA								

* Đề nghị tích dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Phụ lục số 4
ĐỀ XUẤT CHỈ TIÊU ÁP DỤNG CHO XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM VÀ HÀNG NĂM
(Kèm theo văn bản số 3340 /BKHĐT-TH ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Áp dụng trong NQ của BCH TW Đảng	Áp dụng trong Báo cáo chính trị của các cấp, các ngành	Đề xuất Quốc hội thông qua trong KH PTKTXH		Đề xuất TTg cần giao trong KHPT KTXH hàng năm	Đề xuất Bộ KHĐT giao trong KHPT KTXH hàng năm	Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia			Cần thiết để xây dựng kế hoạch PTKTXH		Có khả năng thu thập định kỳ					Có phương pháp tính toán khoa học		Hình thức thu thập số liệu	Nguồn số liệu (nếu rõ tên cơ quan cung cấp số liệu)
					5 năm	Hàng năm			Do cơ quan Thống kê TW thực hiện	Do cơ quan Thống kê địa phương thực hiện	Do bộ, ngành thực hiện	5 năm	Hàng năm	Hàng năm	2 năm	3 năm	4 năm	5 năm	Theo chuẩn của Việt Nam	Theo chuẩn quốc tế		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
1																						
2																						
3																						
4																						
...																						

* Đề nghị đánh dấu "x" vào các ô trống nêu trên nếu thấy phù hợp

Phụ lục số 5

**MÔ TẢ CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG TRONG
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI 5 NĂM VÀ HÀNG NĂM
TRONG THỜI GIAN TỚI**

*(Kèm theo văn bản số 3340 /BKHĐT-TH ngày 29 tháng 5 năm 2015
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

1. Tên chỉ tiêu: *(nêu rõ tên chỉ tiêu)*

- Nguồn cung cấp số liệu: *(nêu rõ cơ quan chịu trách nhiệm cung cấp số liệu)*
- Hình thức thu thập số liệu:
- Phương pháp tính toán: *(mô tả đầy đủ phương pháp tính toán chỉ tiêu, trong đó làm rõ phương pháp tính toán theo chuẩn Việt Nam hay theo thông lệ quốc tế)*

2. Tên chỉ tiêu: *(nêu rõ tên chỉ tiêu)*

- Nguồn cung cấp số liệu: *(nêu rõ cơ quan chịu trách nhiệm cung cấp số liệu)*
- Hình thức thu thập số liệu:
- Phương pháp tính toán: *(mô tả đầy đủ phương pháp tính toán chỉ tiêu, trong đó làm rõ phương pháp tính toán theo chuẩn Việt Nam hay theo thông lệ quốc tế)*

.....